TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 3 -2022
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ, Ông Nguyễn Khắc Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên: Bà Ngô Diệu Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 219/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị **X**, sinh năm 1992, có mặt

Bị đơn: Anh Trần Văn **T**, sinh năm 1984, có mặt

Đều ĐKHKTT tại: Xóm Tiền Tiến, xã Bình Sơn, TP Sông Công, Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn **T** kết hôn năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Chị và anh **T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc có được tìm hiểu và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống chị và anh **T** sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Năm 2017 vợ chồng đã từng ly thân 03 tháng nhưng sau đó đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Chị và anh **T** đã sống ly

thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay, vợ chồng không còn qua lại, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh **T** để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung Trần Ngọc Hân, sinh ngày 16/4/2011; Trần Thị Khánh Hòa, sinh ngày 02/9/2013. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Thị Khánh Hòa vì hiện tại cháu Hòa đang sống cùng với chị. Cháu Trần Ngọc Hân đang ở cùng anh **T** nên để anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hân.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **X** kết hôn vào năm 2010 đăng ký tại UBND xã Bình Sơn, anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhưng chị **X** tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ ngày 28/4/2020 đến nay, anh đã đến tìm nhưng chị **X** không đồng ý về. Nay chị **X** có đơn xin ly hôn thì anh không nhất trí vì muốn các con có đầy đủ bố mẹ.

- Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung Trần Ngọc Hân, sinh ngày 16/4/2011; Trần Thị Khánh Hòa, sinh ngày 02/9/2013. Tại phiên tòa anh **T** nhất trí với quan điểm của chị **X** về con chung nếu phải ly hôn. Cháu Hân sẽ ở với bố, cháu Hòa ở với mẹ.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị **X** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa anh **T** xác định nếu chị **X** cương quyết xin ly hôn thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị **X** giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Anh **T** không nhất trí ly hôn vì muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cơ bản đã tuân thủ theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự, các đương sự và cơ quan, tổ chức tuân thủ thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ. Về việc giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **X**, cho chị **X** ly hôn anh **T**. Giao con chung là Trần Thị Khánh Hòa, sinh ngày 02/9/2013 cho chị **X** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao con chung là Trần Ngọc Hân, sinh ngày 16/4/2011 cho anh **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Buộc chị **X** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **X**, anh **T** kết hôn năm 2010 đăng ký tại UBND xã Bình Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên trên cơ cở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị **X** xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn. Anh **T** không nhất trí ly hôn. Xét thấy vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, anh **T** cũng không có biện pháp gì để có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị **X**, cho chị **X** được ly hôn anh **T** là phù hợp với thực tế và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống, chị **X** và anh **T** có 02 con chung là Trần Ngọc Hân, sinh ngày 16/4/2011; Trần Thị Khánh Hòa, sinh ngày 02/9/2013.

Tại phiên tòa chị **X**, anh **T** thỏa thuận chị **X** nuôi cháu Trần Thị Khánh Hòa, anh **T** nuôi cháu Trần Ngọc Hân. Qua xác minh hiện tại cháu Trần Ngọc Hân đang ở cùng với bố, cháu có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố. Cháu Trần Thị Khánh Hòa đang ở cùng với mẹ, cháu có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện các cháu đang được bố, mẹ chăm sóc đầy đủ, phát triển tốt. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Trần Ngọc Hân, sinh ngày 16/4/2011 cho anh **T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con chung Trần Thị Khánh Hòa, sinh ngày 02/9/2013 cho chị **X** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có sự thay đổi khác. Chị **X**, anh **T** có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3.Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự đều không có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị **X**, anh **T** cho đến khi có yêu cầu và được giải quyết bằng một vụ án khác.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này, nếu chị **X**, anh **T** có yêu cầu, sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Thái Nguyên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị **X** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 180, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị **X**, cho chị Nguyễn Thị **X** được ly hôn anh Trần Văn **T**.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc Hân, sinh ngày 16/4/2011 cho anh **T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con chung Trần Thị Khánh Hòa, sinh ngày 02/9/2013 cho chị **X** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có sự thay đổi khác. Chị **X**, anh **T** có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị **X** phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001533 ngày 29/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Chị **X**, anh **T** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPSC tỉnh TN;
- Chi cục THATPSC tỉnh TN;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Sơn, TPSCTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Lan Anh